



CAMBRIDGE
EXAMINATIONS
PUBLISHING

CAMBRIDGE KEY ENGLISH TEST

EXAMINATION PAPERS FROM THE
UNIVERSITY OF CAMBRIDGE LOCAL
EXAMINATIONS SYNDICATE

Dịch và chú giải
Lê Huy Lâm

1



NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TÀI LIỆU LUYỆN THI CHỨNG CHỈ KET

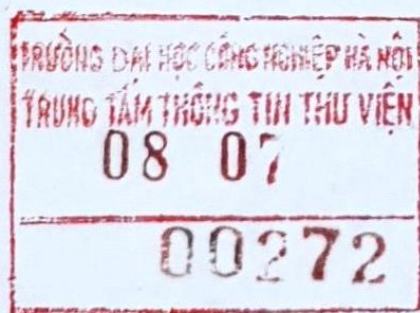
Cambridge Key English Test

1

*Examination papers from the
University of Cambridge
Local Examinations Syndicate*

Dịch và chú giải

LÊ HUY LÂM



NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Giới thiệu về kỳ thi KET

(Key English Test)

I. Giới thiệu chung:

KET là cấp độ tiếng Anh cơ bản trong hệ thống các cấp độ đo lường mức độ thông thạo tiếng Anh dành cho người học tiếng Anh không phải là người bản ngữ do UCLES (University of Cambridge Local Examinations Syndicate - Trung tâm Khảo thí Địa phương thuộc Đại học Cambridge) đề xuất.

KHUNG PHÂN ĐỊNH CẤP ĐỘ THÔNG THẠO NGOẠI NGỮ CỦA UCLES

Cấp độ	Kỳ thi / Chứng chỉ tương ứng
1	Key English Test (KET)
2	Preliminary English Test (PET)
3	First Certificate in English (FCE)
4	Certificate of Advanced English (CAE)
5	Certificate of Proficiency in English (CPE)

KET đặc biệt thích hợp cho các thí sinh có hướng chuẩn bị thi lên cấp độ tiếp theo là PET cũng như các chứng chỉ khác trong hệ thống chứng chỉ tiếng Anh của UCLES.

II. Cấu trúc bài thi:

Bài thi KET gồm 3 môn thi: Paper 1 (Đọc và Viết), Paper 2 (Nghe) và Paper 3 (Nói).

Môn thi	Thời lượng	Cấu trúc	Điểm / Tổng điểm
Paper 1 Reading and Writing Đọc và Viết	1 giờ 10 phút	8 phần	60 điểm, chiếm 50% tổng điểm bài thi
Paper 2 Listening Nghe	25-30 phút	5 phần	25 điểm, chiếm 25% tổng điểm bài thi
Paper 3 Speaking Nói	8-10 phút	2 phần	20 điểm, chiếm 25% tổng điểm bài thi.

III. Chủ đề kiểm tra:

- Personal identification
- House, home and environment
- Daily life, work and study
- Free time, sport and entertainment

- Travel and holidays
- Relations with other people
- Health
- Shopping
- Food and drink
- Places
- Language
- Weather

IV. Cho điểm, đánh giá, và trả kết quả:

1. Cho điểm:

Việc cho điểm được tiến hành và hoàn tất khoảng 4 tuần sau mỗi kỳ thi. Điểm KET cuối cùng của thí sinh được cho dựa vào kết quả của bài làm ba môn thi thành phần.

2. Đánh giá:

Chi tiết phần đánh giá từng môn thi được cho ở phần V dưới đây.

3. Trả kết quả:

Phiếu báo kết quả thường được gửi đi khoảng 6 tuần sau ngày thi. Kết quả được thể hiện như sau: Có hai mức đạt: Pass with Merit (Giỏi) và Pass (Đạt), và hai mức không đạt: Narrow Fail (Gần đạt) và Fail (Rớt).

Phiếu báo kết quả cho thí sinh đạt thể hiện phần bài làm thí sinh đạt điểm tốt. Phiếu báo kết quả cho thí sinh rớt thể hiện phần bài làm thí sinh đạt điểm kém. Thường thí sinh phải đạt tối thiểu là 70% tổng điểm mới được xếp loại đạt.

Chứng chỉ sẽ được cấp cho các thí sinh đạt yêu cầu trong khoảng 6 tuần sau ngày phiếu báo kết quả được gửi đi.

V. Chi tiết cho từng môn thi:

Paper 1 Reading and Writing (1 giờ 10 phút)

Phần 1-5 kiểm tra kỹ năng đọc và Phần 6-8 kiểm tra kỹ năng viết. Có tổng cộng 56 câu hỏi và đầu mỗi phần đều có ví dụ.

• Các bản văn đọc:

Dựa trên trọng tâm kiểm tra của mỗi phần, các bản văn sẽ có tính chất và hình thức khác nhau. Trong phần 1, 4 và 5 các bản văn từ nguồn ngữ liệu thật sẽ được chỉnh sửa để phù hợp với vốn từ và cấu trúc của thí sinh ở cấp độ này. Bản văn trong các phần khác được viết với định hướng bảo đảm tính chất 'thật' của yêu cầu mà thí sinh phải thực hiện. Bản văn có thể có một số từ vựng và cấu trúc không quen thuộc với thí sinh nhưng thí sinh vẫn có thể đoán nghĩa từ ngữ cảnh và đặc biệt là việc hiểu nghĩa những từ này không thật sự cần thiết để thí sinh giải quyết được yêu cầu đề ra. Phần lớn các bản văn đều ngắn, không có bản văn nào vượt quá 200 từ.

Phần 1: Các biển hiệu, thông báo, nhãn và các bản văn cực ngắn tương tự thường thấy ở đường phố, nhà ga, sân bay, cửa hàng, tiệm ăn, trường học, văn phòng v.v...

Phần 2: 'Các định nghĩa' theo hình thức thường thấy trong từ điển.

Phần 3: Các bản văn dựa trên ngôn ngữ thường dùng trong cuộc sống hàng ngày.

- Phần 4** Bản văn mang tính thông tin được lấy từ báo chí, bài viết tạp chí hoặc nguồn tương tự.
Phần 5 Bản văn mang tính thông tin được lấy từ báo chí, bài viết tạp chí, từ điển bách khoa cỡ nhỏ hoặc nguồn tương tự.

• **Trọng tâm kiểm tra:**

- Phần 1** Đọc lấy ý chính.
Phần 2 Đọc và xác định từ vựng thích hợp.
Phần 3 Đọc và xác định lời đáp thích hợp.
Phần 4 Đọc lấy (các) ý chính và chi tiết đặc biệt; vận dụng các chiến thuật diễn giải.
Phần 5 Đọc và xác định từ cấu trúc thích hợp.
Phần 6 Đọc và viết từ lên giấy (trọng tâm là cấu trúc và từ vựng).
Phần 7 Đọc và viết từ lên giấy (trọng tâm là nội dung).
Phần 8 Đọc và viết một mẫu tin ngắn (trọng tâm là thông tin, tính thích hợp, mức chính xác, từ vựng)

• **Các yêu cầu của bài làm:**

- Phần 1** Có 5 câu hỏi trắc nghiệm (mỗi câu có 3 chọn lựa) theo sau là một bài đa ghép với 5 câu hỏi và 7 chọn lựa.
Phần 2 Phần này là một bài đa ghép với 5 câu hỏi và 7 chọn lựa.
Phần 3 Có 5 câu hỏi trắc nghiệm (mỗi câu có 3 chọn lựa) yêu cầu thí sinh hoàn chỉnh 5 bài đối thoại độc lập; mỗi bài có 2 dòng. Theo sau là một bài đa ghép với 5 câu hỏi và 7 chọn lựa trong ngữ cảnh là một bài đối thoại ngắn có các chỗ trống.
Phần 4 Phần này được cho dưới dạng một bài trắc nghiệm có 3 chọn lựa hoặc một bài trắc nghiệm chọn Đúng / Sai / Không đề cập. Có 7 câu hỏi.
Phần 5 Đây là một bài điền vào chỗ trống với 3 chọn lựa cho mỗi chỗ trống. Có 8 câu hỏi.
Phần 6 Phần này là một bài điền vào chỗ trống không có từ cho sẵn. Thí sinh phải thể hiện khả năng sử dụng cấu trúc và từ vựng trong ngữ cảnh là một thư ngắn (hoặc hai mẫu nhắn tin ngắn) phù hợp với cấp độ này. Có 10 câu hỏi.
Phần 7 Đây là một bài yêu cầu chuyển thông tin, đòi hỏi thí sinh phải lấy được thông tin có liên quan từ một bản văn ngắn cho sẵn để hoàn chỉnh một dạng biểu mẫu cụ thể (ví dụ đơn xin gia nhập một câu lạc bộ thể thao, đơn xin cấp thị thực, v.v...) Có 5 câu hỏi.
Phần 8 Thí sinh phải thể hiện khả năng viết một mẫu văn ngắn theo kiểu ngữ liệu thật - ví dụ một mẫu nhắn tin hoặc một bưu thiếp cho một người bạn. Lời chỉ dẫn sẽ cho biết yêu cầu của bài: kiểu mẫu văn, người đọc và những thông tin nào cần được đưa vào. Thay vào đó, thí sinh cũng có thể được yêu cầu đọc và phúc đáp một cách thích hợp một mẫu nhắn tin từ một người bạn. Thông thường thì thí sinh được yêu cầu cung cấp ba ý.

• **Cho điểm:**

Thí sinh viết bằng bút chì trên một tờ answer sheet trong thời gian được định sẵn. Công việc này bao gồm cả đánh dấu vào ô thích hợp cho mỗi câu hỏi ở Phần 1-5, viết một từ cho mỗi câu hỏi ở Phần 6, viết một từ, con số hoặc cụm từ cho mỗi câu hỏi ở Phần 7 và viết mẫu văn ở Phần 8 (xem tờ Answer Sheet mẫu ở cuối sách).

Mỗi câu trả lời đúng ở Phần 1-7 được cho một điểm. Phần 6 và 7 yêu cầu thí sinh phải viết đúng chính tả. Điểm cho Phần 8 là 5. (Xem chi tiết dưới đây).

Điểm của môn thi là 60 điểm, chiếm 50% tổng điểm của cả bài thi.

• Đánh giá Phần 8:

Mỗi bài viết được cho điểm theo các tiêu chí tương tự như thang điểm dưới đây.

Thí sinh phải viết được một mẫu văn mạch lạc bao gồm đủ các thông tin được yêu cầu. Giám khảo sẽ cho điểm ngữ pháp, chính tả và phép chấm câu, và sử dụng từ vựng. Tuy nhiên, ở cấp độ này, người ta không yêu cầu thí sinh phải viết thật hoàn hảo về mặt ngữ pháp và từ vựng, vì vậy điểm dành cho phần diễn đạt ý tưởng sẽ nhiều hơn. Ở chỗ thích hợp, thí sinh phải cho thấy là mình hiểu biết các quy ước về các mẫu tin nhắn bằng cách đưa vào bài viết lời chào và chữ ký.

Thang điểm cho Phần 8

Điểm	Tiêu chí
5	Diễn đạt rõ ràng cả ba ý của mẫu văn. Phạm lỗi chính tả không quan trọng hoặc đôi chỗ có lỗi ngữ pháp.
4	Diễn đạt được cả ba ý của mẫu văn. Phạm một vài lỗi chính tả, ngữ pháp và/hoặc phép chấm câu.
3	Có cố gắng diễn đạt đủ ba ý. Cách diễn đạt có thể đòi hỏi người đọc phải diễn giải.
2	hoặc Chỉ diễn đạt rõ ràng hai ý, ý còn lại không được nêu. Phạm lỗi chính tả không quan trọng hoặc đôi chỗ có lỗi ngữ pháp. Chỉ diễn đạt được hai ý của mẫu văn. Phạm một vài lỗi chính tả và ngữ pháp. Lỗi trong cách diễn đạt có thể đòi hỏi người đọc phải kiên nhẫn và diễn giải.
1	Chỉ diễn đạt được một ý.
0	Không làm bài hoặc hoàn toàn lạc đề.

Thí sinh sẽ bị trừ điểm nếu viết dưới số từ được yêu cầu (ít hơn 20) và không theo đúng các quy ước về các mẫu tin nhắn - không có phần mở đầu và kết thúc. Người ta sẽ không trừ điểm nếu thí sinh viết nhiều hơn số từ quy định, tuy nhiên thí sinh không được khuyến khích viết nhiều hơn số từ quy định.

• Quy trình chấm điểm

Các câu trả lời cho Phần 1-5 sẽ do máy vi tính quét và tính điểm. Phần 6-8 được chấm hai lần bởi một nhóm giám khảo đã qua tập huấn.

Việc chấm điểm Phần 8 được tiến hành theo một quy trình đặc biệt. Sau kỳ thi, một cuộc họp sẽ do Chánh chủ khảo chủ trì để xem xét một số bài mẫu, qua đó đưa ra các dạng câu trả lời mà thí sinh có thể đã làm trong bài viết. Các ghi chú chi tiết sẽ được thảo ra để thống nhất chuẩn mực đánh giá. Các giám khảo sẽ căn cứ vào thang điểm và các ghi chú chi tiết này để chấm điểm bài làm của thí sinh. Trong quá trình chấm điểm giám khảo sẽ phải hội ý với các thanh tra hoặc Chánh chủ khảo nếu thấy cần.

Paper 2 Listening (25-30 phút)

Môn thi Nghe của bài thi KET có 5 phần với tổng cộng 25 câu hỏi.

Các bản văn nghe được thu và phát qua băng cassette và thí sinh được nghe 2 lần. Băng được đọc với tốc độ thường đàm loại chậm. Có những khoảng dừng để thí sinh nhìn câu hỏi và viết câu trả lời. Băng cũng đọc cả lời hướng dẫn trên đề thi và mỗi phần đều có ví dụ. Thí sinh viết câu trả lời trên tập đề thi trong khi nghe, sau đó được cho 8 phút vào cuối giờ thi để chuyển các câu trả lời vào tờ Answer Sheet.

Tổng thời lượng cho môn này, kể cả thời gian chuyển câu trả lời, là từ 25-30 phút.

• Bản văn:

Bản văn được viết hoặc chỉnh sửa cho phù hợp với bài thi và được ghi âm trong phòng thu để giả lập ngôn ngữ thường đàm. Các bản văn đều có dưới 170 từ.

Phần 1 Năm bài đối thoại ngắn giữa hai người nói trong các ngữ cảnh thân mật và tổng quát.

Phần 2 Một bài đối thoại giữa hai người nói trong ngữ cảnh thân mật.

Phần 3 Một bài đối thoại giữa hai người nói - thường là một cuộc điện đàm - trong ngữ cảnh thân mật hoặc tổng quát.

Phần 4 Một bài đối thoại giữa hai người nói - thường là một cuộc điện đàm - trong ngữ cảnh tổng quát.

Phần 5 Một bài độc thoại, thường là một mẫu ghi âm.

• Trọng tâm kiểm tra:

Phần 1-3 Nghe để xác định thông tin đơn giản mang tính sự kiện: ví dụ giá cả, thời gian, phương hướng.

Phần 4 và 5 Nghe và viết thông tin.

• Các yêu cầu của bài làm:

Phần 1 Có 5 câu hỏi trắc nghiệm (mỗi câu có 3 chọn lựa) dựa trên hình ảnh hoặc tranh vẽ.

Phần 2 Đây là một bài đa ghép với 5 câu hỏi và 7 chọn lựa. Dựa trên những gì đã nghe, thí sinh phải ghép, ví dụ, các món quà cho đúng người, hoặc các hoạt động phù hợp với các ngày trong tuần.

Phần 3 Có 5 câu hỏi trắc nghiệm (mỗi câu có 3 chọn lựa).

Phần 4 và 5 Có 5 câu hỏi cho mỗi phần. Thí sinh phải hoàn chỉnh các mẫu tin, mẫu nhắn hoặc đơn từ trên tập đề thi bằng cách lấy thông tin từ bài nghe và viết chúng ra giấy. Các thông tin này gồm các con số, thời gian, giá cả, từ, các chữ cái chỉ tên người v.v... Trong mỗi trường hợp, thí sinh sẽ phải viết một con số hoặc một đến hai từ. Lỗi chính tả không đặt ra, trừ trường hợp người ta đọc rõ từng chữ cái của một cái tên trong bài nghe.

• Cho điểm:

Mỗi câu đúng được một điểm; tổng điểm là 25, chiếm 25% điểm toàn bài thi.

• Chấm điểm:

Các câu trả lời cho Phần 1-3 sẽ do máy vi tính quét và tính điểm. Phần 4 và 5 được chấm hai lần bởi một nhóm giám khảo đã qua tập huấn.

Paper 3 Speaking (8-10 phút)

Môn thi Nói của bài thi KET do hai giám khảo điều khiển (một người tham gia vấn đáp và một người đánh giá) với từng cặp thí sinh. Người đánh giá không tham gia vào cuộc đàm thoại. Môn thi Nói kéo dài khoảng 8-10 phút cho mỗi cặp thí sinh.

Nếu tổng số thí sinh là một số lẻ, nhóm thi cuối cùng sẽ có 3 thí sinh. Trong trường hợp này, môn thi sẽ kéo dài 13-15 phút.

Môn thi Nói có 2 phần. Trong Phần 1, phần vấn đáp diễn ra giữa người tham gia vấn đáp và các thí sinh, trong đó người tham gia vấn đáp sẽ hỏi các câu hỏi theo một bản câu hỏi đã được chuẩn hóa. Trong Phần 2, phần vấn đáp diễn ra giữa hai thí sinh dựa trên các hướng dẫn được viết sẵn và các thẻ nhắc tình huống. Ngôn ngữ sử dụng trong môn thi Nói được cấu trúc kỹ lưỡng để phù hợp với trình độ của thí sinh ở cấp độ này.

• Trọng tâm kiểm tra:

- Giao tiếp tương tác trong tiếng Anh đàm thoại cả với một giám khảo lẫn với một thí sinh khác.
- Cho và lấy thông tin cá nhân mang tính sự kiện.
- Cho và lấy thông tin mang tính sự kiện không liên quan đến cá nhân.
- Cho nhận định và cảm tưởng về các vấn đề liên quan đến cuộc sống cá nhân, điều kiện sống, các hoạt động nghề nghiệp và các hoạt động tiêu khiển.

• Các yêu cầu bài làm:

Phần 1 Trong phần này, mỗi thí sinh giao tiếp tương tác với người tham gia vấn đáp, sử dụng ngôn ngữ thường dùng khi tiếp xúc với người ta lần đầu tiên và cho thông tin về những thứ như tên tuổi, quê quán, nghề nghiệp và gia đình. Phần này kéo dài khoảng 5 đến 6 phút.

Phần 2 Trong phần này, hai thí sinh giao tiếp tương tác với nhau. Hoạt động này bao gồm việc hỏi và trả lời các câu hỏi về những thông tin mang tính sự kiện có liên quan đến cá nhân hoặc không liên quan đến cá nhân. Các thẻ nhắc tình huống được dùng để gợi các câu hỏi liên quan đến cuộc sống hàng ngày, các hoạt động tiêu khiển và đời sống xã hội, bao gồm cả các chi tiết liên quan đến nơi chốn, thời gian, phương tiện, phương thức đi lại, thức ăn v.v... Thí sinh được yêu cầu hỏi và trả lời khoảng 5 câu hỏi cho mỗi người. Phần này kéo dài khoảng 3 đến 4 phút.

• Đánh giá và cho điểm

Trong quá trình dự thi môn Nói, thí sinh được đánh giá về các kỹ năng ngôn ngữ chứ không phải về tính cách, trí thông minh hoặc kiến thức về thế giới. Ở cấp độ này người ta không đòi hỏi thí sinh phải nói thật lưu loát hoặc chính xác, nhưng thí sinh phải tỏ ra có khả năng giao tiếp tương tác phù hợp với yêu cầu của bài thi. Nếu thí sinh không hiểu câu hỏi hoặc lời hướng dẫn, họ có thể yêu cầu lặp lại hoặc giải thích và họ sẽ được tính điểm cho sự vận dụng chiến thuật này. Tương tự, họ cũng sẽ được tính điểm nếu biết vận dụng các cách nói thay thế để bù đắp cho các chỗ hạn chế về mặt ngôn ngữ. Trong một số trường hợp, một lời đáp có một hoặc hai từ là đủ, nhưng thí sinh sẽ được tính điểm nếu họ biết mở rộng lời đáp thành cụm từ hay câu hoàn chỉnh - nếu xét thấy thích hợp.

Mỗi giám khảo có thể cho một thí sinh tối đa là 5 điểm cho mỗi phần, như vậy điểm tối đa cho môn Nói là 20, chiếm 25% tổng điểm toàn bài thi.

Mỗi thí sinh sẽ được đánh giá cho phần trình bày của mình dựa trên những tiêu chí đã được định sẵn. Trong Phần 2, khi các thí sinh phải giao tiếp tương tác với nhau, họ sẽ được tính điểm nếu biết cộng tác để giúp nhau hiểu ý, nhưng một thí sinh sẽ không bị trừ điểm vì lỗi của thí sinh kia.

Điểm cho mỗi phần được dựa trên các tiêu chí sau đây:

Thực hiện yêu cầu:

Điều này liên quan đến khả năng đáp lại các câu hỏi của giám khảo và thực hiện yêu cầu được đưa ra.

Khả năng giao tiếp:

Điều này liên quan đến khả năng diễn đạt ý.

Sự thích hợp trong giao tiếp tương tác:

Điều này liên quan đến khả năng đáp lại một cách thích hợp các câu hỏi của cả giám khảo lẫn thí sinh cùng thi, bao gồm cả khả năng yêu cầu lặp lại hoặc giải thích, nếu thấy cần.

Tài nguyên ngôn ngữ:

Điều này liên quan đến khả năng sử dụng từ vựng, cấu trúc và các chiến thuật diễn giải để diễn đạt ý. Ở cấp độ này thí sinh chỉ có được tài nguyên ngôn ngữ hạn chế, nên chính việc sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên hạn chế này để diễn đạt ý mới là cơ sở đánh giá chứ không phải là phạm vi ngôn ngữ hoặc tính chính xác.

Phát âm:

Điều này liên quan đến sự rõ ràng trong lời nói của thí sinh. Ảnh hưởng của ngôn ngữ mẹ đẻ sẽ không bị trừ điểm nếu điều đó không ảnh hưởng đến sự giao tiếp.

Sự lưu loát:

Điều này liên quan đến tốc độ và nhịp điệu khi thí sinh nói. Sự ngập ngừng trong khi thí sinh tìm ngôn ngữ thích hợp sẽ không bị trừ điểm nếu điều đó không dẫn đến việc làm người nghe phải căng thẳng một cách khó chịu.

Độc lập – không cần sự trợ giúp của người tham gia vấn đáp:

Điều này liên quan đến khả năng của thí sinh trong Phần 2 của môn thi có thể thực hiện yêu cầu mà không cần đến sự trợ giúp của người tham gia vấn đáp một khi lời chỉ dẫn đã được đưa ra.